

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

VŨ XUÂN ANH

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN TRỒNG RỪNG
VIỆT - ĐỨC (KfW3 PHA 1) TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
ĐÔNG TRIỀU - TỈNH QUẢNG NINH**

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC LÂM NGHIỆP

Thái Nguyên - Năm 2012

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những thập niên vừa qua, do nhiều nguyên nhân diện tích rừng tự nhiên của Việt Nam bị suy giảm một cách nhanh chóng từ 14,3 triệu ha năm 1945, tương ứng độ che phủ 43% xuống còn 13,258 triệu ha, tương ứng độ che phủ 39% (theo số liệu kiểm kê tài nguyên rừng của ngành (2009) ^(*)).

Nhằm đưa độ che phủ của rừng lên 43% vào năm 2015 và 47% vào năm 2020^(**). Nhiều Dự án phục hồi rừng đã và đang được thực hiện trong vài thập kỷ qua với nguồn vốn của Chính phủ và các nhà tài trợ Quốc tế như: Dự án 327, Dự án 661, Dự án PAM (Chương trình Lương thực thế giới), Dự án ADB (Ngân hàng phát triển châu Á), Dự án WB (Ngân hàng thế giới), Dự án GEF (Quỹ môi trường toàn cầu), Dự án JICA (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản), Dự án KfW (Ngân hàng Tái thiết Đức)....

Một trong những dự án được đánh giá là có hiệu quả và được công nhận rộng rãi trong ngành lâm nghiệp Việt Nam đó là các dự án KfW. Hiệu quả đầu tư của các Dự án KfW rất cao, bên cạnh việc hỗ trợ nông dân nâng cao đời sống đối với đồng bào dân tộc ít người ở vùng sâu vùng xa, Dự án đã góp phần hạn chế sự đe dọa tới môi trường sinh thái, góp phần nâng cao dân trí, giúp cho người dân có cách nhìn mới về sản xuất lâm nghiệp bền vững. Bên cạnh các Dự án khác của ngành, các Dự án KfW lâm nghiệp đã góp phần vào thực hiện chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng cũng như chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp (FSSP), đã ký giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với các nhà tài trợ. Đồng thời góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phục hồi và phát triển rừng đã nêu trong “Chiến lược phát triển ngành Lâm nghiệp đến năm 2020”.

Một trong các Dự án triển khai tại huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh được đánh giá là có hiệu quả đó là: Dự án “ Trồng rừng tại tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn và Quảng Ninh” gọi tắt là KfW3 pha 1 do Ngân hàng tái thiết Đức (KfW) tài trợ không hoàn lại.

Dự án được triển khai trên địa bàn huyện Đông Triều từ năm 1999 và có 04 xã được lựa chọn tham gia đó là: xã Hoàng Quế, Trảng Lương, Hồng Thái Tây và An Sinh.

Mục tiêu của Dự án: Góp phần vào chương trình trồng rừng và bảo vệ đất đai thông qua việc giúp người nông dân sử dụng đất có hiệu quả và đảm bảo bền vững về sinh thái, đồng thời tạo việc làm và nâng cao mức sống cho người dân trong vùng dự án.

Để làm rõ kết quả thực hiện Dự án, đánh giá mức độ tác động của Dự án KfW3 pha 1 đến kinh tế, xã hội và môi trường trên địa bàn huyện, cũng như những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án, làm căn cứ khuyến nghị, đề xuất đối với các Dự án khác có đặc điểm tương tự, tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Đánh giá tác động của Dự án trồng rừng Việt - Đức**

(KfW3 pha 1) trên địa bàn huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh”.

(* và (**)) Nguồn: Công bố tại Hội thảo Tham vấn Quốc gia về FLEGT/VPA, Hà Nội ngày 3 và 4/8/2011 _ Văn phòng FLEGT/VPA Việt Nam

Chương 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Nước ngoài.

1.1.1. *Khái niệm về Dự án.*

Thuật ngữ “Dự án” đã được sử dụng từ rất lâu để đặt tên cho một loạt các hoạt động của mình nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu nhất định trong khoảng thời gian nhất định. “Dự án” có thể coi là một quá trình gồm các các hoạt động có liên quan tới nhau được thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra trong điều kiện ràng buộc về thời gian, nguồn lực và ngân sách. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Dự án, hướng mục tiêu thường bị chi phối, mức độ đạt mục tiêu khác với dự kiến đặt ra ban đầu. Điều đó thể hiện sự phản hồi của các hoạt động trong Dự án và mối liên hệ giữa các mặt trong phạm vi thời gian và không gian thực hiện Dự án. Trong lý thuyết cũng như trong thực tiễn quản lý kinh tế hiện nay còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về dự án. Mỗi quan điểm về Dự án xuất phát từ cách tiếp cận khác nhau tùy theo mục đích nghiên cứu.

Theo từ điển tiếng Anh Oxford: “Dự án (DA) là một chuỗi các sự việc tiếp nối được thực hiện trong khoảng thời gian giới hạn và ngân sách xác định nhằm xác định mục tiêu là đạt được kết quả duy nhất nhưng được xác định rõ”.

Theo Ngân hàng thế giới-WB: Dự án là tổng thể những chính sách, hoạt động và chi phí liên quan với nhau được thiết kế nhằm đạt được những mục tiêu nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Từ điển xã hội học của David Jary và Julia Jury (1991)[35], đưa ra định nghĩa về Dự án như sau: Những kế hoạch của địa phương được thiết lập với mục đích hỗ trợ các hành động cộng đồng và phát triển cộng đồng. Theo định nghĩa này có thể hiểu Dự án là một kế hoạch can thiệp có mục tiêu, nội dung, thời gian, nhân lực và tài chính cụ thể. Dự án là sự hợp tác của các lực lượng xã hội bên ngoài và bên trong cộng đồng. Với cách hiểu như trên thì thước đo sự thành công của Dự án không chỉ là việc hoàn thành các hoạt động có tính kỹ thuật (đầu tư cái gì, cho ai,

bao nhiêu, như thế nào) mà nó có góp phần gì vào quá trình chuyển biến xã hội tại cộng đồng.

Nhưng nhìn chung, dưới góc độ tổng quát thì có những điểm chung khái niệm về DA là một sự đầu tư về tài chính thông qua các hoạt động để đạt một ý đồ đặt ra. DA bao gồm các yếu tố: Nhiệm vụ như thế nào? Mục tiêu là cái gì, nhóm đối tượng gì? Thời gian thực hiện khi nào? Chi phí bao nhiêu và người thực hiện là ai? Nhóm hưởng lợi là ai... Nhưng cũng tùy thuộc loại mục tiêu mà góc độ định nghĩa về DA có nhiều điểm khác nhau.

1.1.2. Đánh giá Dự án.

Đánh giá DA là một nhiệm vụ nằm trong các chuỗi hoạt động của DA. Tùy thuộc mục tiêu đánh giá mà có quy mô thực hiện đánh giá khác nhau. Đánh giá giai đoạn hoặc là đánh giá định kỳ là nhằm rà soát, so sánh nhiệm vụ, mục tiêu theo một kế hoạch nào đó đồng thời dự đoán hiệu quả trong tương lai.

Theo lý thuyết về đánh giá DA thì tại các công trình nghiên cứu của một số tác giả như: L.These Barker (1995)[37], Who, Jim Woodhill Gittinger, Dixon và Hufschmidt (1991)[33], đã thể hiện đánh giá liên quan đến việc đo lường, so sánh và đưa ra những nhận định về kết quả của hệ thống các hoạt động DA, đánh giá còn là xem xét một cách logic có hệ thống nhằm xác định tính hiệu quả, mức độ thành công của DA, tác động đến các mặt của đời sống xã hội và tự nhiên. Hoạt động đánh giá là một công tác được triển khai khi đã có một số các hoạt động chính của DA diễn ra theo định kỳ hay gọi cách khác là đánh giá giai đoạn, hoặc khi tổng thể các hoạt động của DA đã chấm dứt.

Joachimtheis, Heather, M.Grady (1991)[36] đã phân loại đánh giá DA bao gồm đánh giá tiến trình và đánh giá mục tiêu. Đánh giá mục tiêu là xem xét, so sánh tính hiệu quả của DA có đạt được mục tiêu hay không. Đánh giá tiến trình là công việc ngoài sự xem xét các nội dung của DA để đạt được mục tiêu thì còn xem xét tiến độ thực hiện DA theo từng công đoạn của thời gian.

Để đánh giá DA, người ta sử dụng nhiều phương pháp thực hiện như điều tra khảo sát (survey), phỏng vấn (interview), thảo luận nhóm (focus group), phương

pháp phỏng vấn, phương pháp động não... tất cả các nội dung của hoạt động đánh giá có ý nghĩa quan trọng nhằm điều chỉnh, sửa đổi để phù hợp khách quan với tình hình thực tế trong quá trình thực hiện DA.

1.1.3. Các khía cạnh đánh giá tác động của Dự án.

Đánh giá tác động của DA là những việc làm để xem xét một cách toàn diện về các tác động của nó làm ảnh hưởng đến các lĩnh vực của đời sống xã hội và tự nhiên mà cụ thể là kinh tế, xã hội và môi trường đã định trước ở mục tiêu của DA. Về phương pháp đánh giá tác động DA tùy thuộc loại Dự án mà có phương pháp phù hợp. Theo FAO [36] thì đánh giá tác động của DA về mặt kinh tế thường tập trung phân tích lợi ích và chi phí xã hội nên các lợi ích và các chi phí xã hội phải tính suốt cả thời gian mà sản phẩm DA chưa có đo đạc kết.

Nhưng nhìn chung, để đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế của DA thì tổng mức đầu tư khi bắt đầu triển khai DA đến khi có sản phẩm đầu ra ở điểm kết thúc DA và mức chiết khấu nguồn đầu tư.

Đánh giá tác động liên quan về xã hội, H.M Gregersen và Brooks [32] nêu rằng: Bất cứ khi nào có một sự thay đổi phát sinh qua một DA như tạo việc làm mới, tăng diện tích canh tác, năng suất sản xuất, chất lượng sản phẩm tăng lên... thì quá trình đánh giá không những phải xác định phần lợi ích gia tăng mà còn xác định các yếu tố lợi ích liên quan xã hội, nếu chỉ căn cứ vào tiền mặt luân chuyển trong quá trình thực hiện DA thì đây là một phân tích đánh giá tài chính đơn thuần chứ không phải một đánh giá kinh tế mang tính xã hội.

Về môi trường UNEP (1998)[38], đã xây dựng bản hướng đánh giá tác động môi trường của các DA phát triển. Đây là phương pháp nghiên cứu nhằm dự báo các tác động môi trường của một DA, thể hiện sự ảnh hưởng của kết quả về các hoạt động của DA đối với môi trường.

1.2. Ở Việt Nam.

1.2.1. Khái niệm về Dự án.

Cũng như trên thế giới, ở Việt Nam thuật ngữ Dự án được dùng rộng rãi, tuy nhiên chỉ mới phổ biến trong vài thập kỷ gần đây.

Theo Viện quản trị Dự án: Dự án (DA) là một nỗ lực nhất thời được thực hiện để tạo ra một sản phẩm hay một dịch vụ độc nhất vô nhị.

Theo đại bách khoa toàn thư: Dự án (Project) là điều người ta có ý định làm hay đặt kế hoạch cho một ý đồ, một quá trình hành động...

- Dự án là một nỗ lực tổng hợp bao gồm các nhiệm vụ có liên quan với nhau được thực hiện trong giới hạn về thời gian, ngân sách và với một mục tiêu được định nghĩa một cách rõ ràng. Dự án là một tập hợp có tổ chức các hoạt động và các quy trình đã được tạo ra để thực hiện các mục tiêu riêng biệt trong các giới hạn về nguồn lực, ngân sách và các kỳ hạn đã được xác định trước.

Trong một số tài liệu và các tác phẩm của các tác giả Nguyễn Thị Oanh [13], Tô Huy Hợp, Lương Hồng Quang [17], tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động môi trường (Nhà xuất bản Xây Dựng - 2008), đều đưa ra các định nghĩa về DA. Nhìn chung, các khái niệm đều mang những nét chung là thể hiện thống nhất về sự can thiệp của con người trong tổ chức, kế hoạch DA để có được những mục tiêu mong muốn.

Theo Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng và đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) thì “DA là tập hợp những đề xuất về việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hay cải tạo những đối tượng nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng, cải tiến hoặc nâng cao chất lượng của sản phẩm hay dịch vụ nào đó trong một khoảng thời gian xác định”. Cũng theo MPI thì “DA đầu tư là một hệ thống các thuyết minh được trình bày một cách chi tiết, có luận cứ các giải pháp sử dụng nguồn lực để đạt tới mục tiêu cao nhất của chủ trương đầu tư”.

Mặc dù có sự khác nhau về cách định nghĩa Dự án, nhưng các tác giả đều thống nhất cho rằng: DA là một tập hợp các hoạt động có kế hoạch định trước với một nguồn tài lực dự kiến trước nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu định trước trong phạm vi không gian và thời gian nhất định. Mục tiêu của Dự án đều là tạo sự thay đổi trong nhận thức và hành động, thay đổi điều kiện sống của cộng đồng trên cả ba mặt kinh tế - xã hội và môi trường.

1.2.2. Đánh giá tác động Dự án.

Hàng loạt các công trình về đánh giá hiệu quả và tác động của các dự án, đặc biệt là các Dự án trong lĩnh vực lâm nghiệp của Việt Nam đã được các nhà nghiên cứu thực hiện trong những năm qua, nhất là trong thời gian gần đây khi mà xu thế quản lý rừng bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu đòi hỏi tất cả các nước phải giám sát chặt chẽ các tác động từ các hoạt động Dự án mang lại.

Nhóm chuyên gia của chương trình phát triển Nông thôn miền núi Việt Nam - Thụy Điển (MRDP¹) và viện điều tra quy hoạch rừng đã nghiên cứu sự thay đổi của thảm thực vật và độ che phủ rừng trong giai đoạn 10 năm (1989- 1998), trên địa bàn 5 tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang và Hà Giang” [31], Nghiên cứu đã đánh giá sự thay đổi chung của 5 tỉnh và đánh giá chi tiết sự thay đổi của 20 xã trong đó có 10 xã được sự hỗ trợ của chương trình Hợp tác xã Lâm nghiệp (FCP²) và 10 xã ngoài 2 chương trình đó.

Trong báo cáo đánh giá tác động “Dự án lâm nghiệp xã hội sông Đà trong chương trình hợp tác kỹ thuật Việt Đức đối với hệ thống canh tác trên địa bàn các huyện Yên châu Tỉnh Sơn La và huyện Tủa Chùa tỉnh Lai Châu” [31], do Annette Luibrand (2000), thông qua phương pháp điều tra hộ gia đình đã tiến hành đánh giá tác động của Dự án đến phương pháp canh tác của các hộ nông dân trên các loại hình sử dụng đất mà gia đình hiện có.

Nghiên cứu tác động “Công tác giao đất đến một số yếu tố kinh tế, xã hội ở cấp gia đình ” thuộc Dự án Lâm nghiệp xã hội Sông Đà - chương trình hợp tác kỹ thuật Việt- Đức đối với hệ thống canh tác trên địa bàn các huyện Yên Châu tỉnh Sơn La và huyện Tủa Chùa tỉnh Lai Châu” [29]. Scott Fritzen đã đi sâu vào việc phân tích một số mô hình sử dụng đất cấp thôn và hộ gia đình, phân tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp và lâm nghiệp của các hộ gia đình, đánh giá chiến lược phát triển kinh tế hộ, sản xuất cấp thôn và tác động của công tác giao đất do Dự án thực hiện

¹ :Mountainous Rrural Devenlopment Programe;

² : Forestry Cooperation Program

đến đời sống kinh tế xã hội của các hộ gia đình về các mặt chủ yếu như cơ cấu thu nhập, chi phí, khả năng tiếp cận thị trường.

Trong báo cáo tổng kết đề án “Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp kinh tế xã hội nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở vùng lòng hồ huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La” [4], Đỗ Đức Bảo và cộng sự đã sử dụng phương pháp ma trận môi trường để đánh giá tác động của các loại hình canh tác và phương án canh tác lâm nghiệp ở vùng lòng hồ Huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La. Các loại hình canh tác được đánh giá bao gồm: vườn tạp, cây ăn quả, Nông lâm kết hợp, rừng tự nhiên... Trong phương pháp ma trận môi trường, việc phân tích số liệu được thể hiện thông qua các hàng và các cột (hàng - các chỉ tiêu đánh giá, cột - trị số của chỉ tiêu đánh giá). Bằng phương pháp này có thể đưa ra hàng loạt các chỉ tiêu khác nhau thuộc các lĩnh vực chịu tác động như: Kinh tế, xã hội và môi trường. Những tác động cụ thể của từng hoạt động của từng phương án được đánh giá qua tổng điểm, mức tổng điểm càng cao thì DA càng có hiệu quả. Tuy nhiên, chính tác giả cũng thừa nhận rằng phương pháp ma trận môi trường là phương pháp “bán định hướng” và chỉ mang tính tương đối bởi vì việc cho điểm phụ thuộc nhiều vào yếu tố chủ quan. Yếu tố này chủ yếu dựa vào trình độ và kinh nghiệm của nhóm nghiên cứu. Mặc dù vậy đây là phương pháp đơn giản dễ vận dụng nên cho đến nay nó vẫn được sử dụng phổ biến trong nhiều nghiên cứu đánh giá tác động môi trường.

Khi nghiên cứu “Đánh giá và kiến nghị hoàn thiện mô hình trang trại lâm nghiệp hộ gia đình tại Lục Ngạn- Bắc Giang” [15], Trần Ngọc Bình đã phân tích đánh giá hiệu quả của các mô hình trang trại đến việc phát triển kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái trong khu vực. Nhưng để đánh giá, tác giả chỉ sử dụng một chỉ tiêu phân loại kinh tế hộ gia đình nên tính mức độ thuyết phục của đề tài còn chưa cao.

Tháng 5/1997 Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách khoa học và công nghệ đã đưa ra “Báo cáo nghiên cứu ban đầu về tác động kinh tế xã hội trực tiếp của Dự án khu Công nghiệp cao Hà Nội³ tại 5 xã thuộc tỉnh Hà Tây” [31], Báo cáo nghiên cứu đề cập chủ yếu đến việc khảo sát hiện trạng và chiến lược phát triển kinh tế xã hội

³ :Còn gọi là khu công nghệ cao Hoà lạc.

của địa phương đến năm 2010, đồng thời dự kiến một số tác động chính khi Dự án triển khai trên địa bàn. Báo cáo nghiên cứu cũng đưa ra một số khuyến nghị trong quá trình thực hiện để phát huy tối đa các tác động tích cực, hạn chế tối thiểu các tác động tiêu cực của Dự án đến đời sống kinh tế xã hội trong vùng.

Trong nghiên cứu “Đánh giá tác động Dự án hồ chứa nước Nàng Hươm - Xã Mường Nhà huyện Điện Biên tỉnh Lai Châu”, Vũ Thị Lộc [26], đã tiến hành phân tích những ảnh hưởng của Dự án đến khả năng mở rộng diện tích, thay đổi hệ số sử dụng đất nông nghiệp và vấn đề ổn định dân cư vùng Dự án.

Năm 1990, Per - H. Stahl, chuyên gia về lâm sinh học cùng với nhà kinh tế học Heime Krekula, đã tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế cho hoạt động kinh doanh rừng bạch đàn trồng làm nguyên liệu giấy tại khu Công nghiệp giấy Bãi Bằng - Phú Thọ [31]. Trong công trình này, các tác giả nói trên chủ yếu đề cập đến các chỉ tiêu NPV, IRR còn các chỉ tiêu về môi trường - sinh thái và xã hội thì mới được đề cập một cách sơ bộ, chưa đi sâu phân tích kỹ nên cuối cùng trong kết quả các tác giả chỉ mới đưa ra những dự đoán chung chung.

“Đánh giá tác động môi trường - Phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn” (Năm 1994), Lê Thạc Cán [11], đã có công trình tạo cơ sở khoa học cho các nhà nghiên cứu về môi trường thực hiện những nghiên cứu tiếp theo.

“Bảo vệ đất và đa dạng sinh học trong các Dự án trồng rừng bảo vệ môi trường” (1994) Hoàng Xuân Tý [10], đã tiến hành những nghiên cứu về kinh tế, môi trường. Tuy nhiên trong các phân tích và đánh giá, tác giả thường thiên về một mặt hoặc là kinh tế hoặc là môi trường hay xã hội mà không đánh giá một cách toàn diện các mặt trên.

Năm 2000, Hubertus Kraienhorst, TS. Ulrich Apel và các cộng sự đã nghiên cứu đánh giá Dự án KfW1 [7], Thông qua kết quả khảo sát tại hiện trường, nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá kết quả thực hiện các Dự án, phân tích ưu nhược điểm của các hoạt động, đề xuất một số giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Dự án. Báo cáo đánh giá cũng đã nêu bật những thành công của Dự án tại 2 tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn, trong đó nhấn mạnh; i) Đã góp phần đưa độ che phủ